BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
BẰNG HAI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình:

Tiếng việt: **Công nghệ Thông tin**

Tiếng Anh: **Information Technology**

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Hình thức đào tạo: Chính quy

4. Tổng khối lượng kiến thức: 81 Tín chỉ

5. Thời gian đào tạo: 2,0 năm (thiết kế)

6. Khoa/viện đào tạo: Khoa Công nghệ Thông tin

7. Quyết định ban hành: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, trái ngành

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác (năm)
1	**Ngành đúng/phù hợp**	Có/không?	
	1) Khoa học máy tính 2) Kỹ thuật phần mềm 3) Hệ thống thông tin 4) Công nghệ thông tin 5) Kỹ thuật máy tính 6) Truyền thông và mạng 7) Sư phạm Tin học	Không	0
2	**Ngành gần**		
	1) Điện tử/ truyền thông/viễn thông 2) Điều khiển tự động/Cơ khí 3) Tin học công nghiệp 4) Toán và thống kê 5) Hệ thống thông tin quản lý 6) Hệ thống thông tin kinh tế 7) Một số ngành gần khác (dựa trên chương trình đào tạo)	Không	0

3	**Ngành khác/trái ngành**		
	Các ngành học không thuộc nhóm ngành đúng và ngành gần	Có	0

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Ghi chú
1	SOT315	Nhập môn lập trình	3	
2	NEC329	Mạng máy tính	3	
3	INS326	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
4	INS330	Cơ sở dữ liệu	3	
	Tổng		**12**	

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
A	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**0**
I	**Khoa học xã hội và nhân văn**		**0**
II	**Toán, khoa học tự nhiên- môi trường**		**0**
III	**Ngoại ngữ**		**0**
IV	**Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh**		**0**
B	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		
I	**Kiến thức cơ sở**		**29**
I.1	**Các học phần bắt buộc**		**23**
1	MAT323	Cơ sở toán cho tin học	2
2	SOT320	Kỹ thuật lập trình	3
3	SOT331	Lập trình hướng đối tượng	3
4	NEC321	Kiến trúc máy tính	3
5	INS325	Hệ điều hành	3
6	SOT332	Toán rời rạc	3
7	SOT347	Thiết kế web	3
8	NEC353	Tiếng Anh chuyên ngành	3
I.2	**Các học phần tự chọn (chọn 02 học phần)**		**6**
9	INS335	Thống kê máy tính	3
10	INS365	Hệ thống thông tin địa lý	3
11	SOT336	Kỹ thuật đồ họa	3
12	SOT341	Xử lý ảnh	3

II.	**Kiến thức ngành**		**48**
II.1	**Các học phần bắt buộc**		**39**
13	INS339	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
14	SOT355	Phát triển ứng dụng Web	3
15	SOT356	Lập trình thiết bị di động	3
16	NEC337	Quản trị mạng	3
17	INS360	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
18	SOT344	Trí tuệ nhân tạo	3
19	SOT348	Thực tập chuyên ngành	3
20	SOT349	Công nghệ phần mềm	3
21	SOT357	Kiểm thử phần mềm	3
22	INS366	Công nghệ XML và ứng dụng	3
23	NEC355	An toàn mạng	3
24	NEC350	Thiết kế và cài đặt mạng	3
25	INS362	Khai phá dữ liệu	3
II.1	**Các học phần tự chọn (chọn 03 trong 6 học phần)**		**9**
26	SOT352	Quản lý dự án phần mềm	3
27	SOT366	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3
28	NEC359	Truyền thông đa phương tiện	2
29	SOT353	Mẫu thiết kế	3
30	NEC351	Thiết bị mạng và cấu hình	3
31	NEC357	Lập trình mạng	3
III.	**Tốt nghiệp**		**4**
32	NEC352	Chuyên đề tốt nghiệp	4
	Tổng số tín chỉ		**81**
	Tổng số tín chỉ bắt buộc		**66**
	Tổng số tín chỉ tự chọn		**15**

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ
I (20 tc)	**Các học phần bắt buộc**		**20**
	SOT320	Kỹ thuật lập trình	3
	MAT323	Cơ sở toán cho tin học	2
	NEC321	Kiến trúc máy tính	3
	INS325	Hệ điều hành	3

	SOT328	Toán rời rạc	3
	NEC353	Tiếng Anh chuyên ngành	3
	SOT347	Thiết kế web	3
II (21 tc)	**Các học phần bắt buộc**		**15**
	SOT331	Lập trình hướng đối tượng	3
	INS339	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
	INS360	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
	SOT344	Trí tuệ nhân tạo	3
	NEC337	Quản trị mạng	3
	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		**6**
	INS335	Thống kê máy tính	3
	INS365	Hệ thống thông tin địa lý	3
	SOT336	Kỹ thuật đồ họa	3
	SOT341	Xử lý ảnh	3
III (21 tc)	**Các học phần bắt buộc**		**15**
	SOT348	Thực tập chuyên ngành	3
	SOT355	Phát triển ứng dụng web	3
	SOT356	Lập trình thiết bị di động	3
	INS366	Công nghệ XML và ứng dụng	3
	SOT349	Công nghệ phần mềm	3
	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		**6**
	NEC359	Truyền thông đa phương tiện	2
	SOT353	Mẫu thiết kế	3
	NEC351	Thiết bị mạng và cấu hình	3
	NEC357	Lập trình mạng	3
IV (19 tc)	**Các học phần bắt buộc**		**16**
	SOT357	Kiểm thử phần mềm	3
	INS362	Khai phá dữ liệu	3
	NEC355	An toàn mạng	3
	NEC350	Thiết kế và cài đặt mạng	3
	NEC352	Chuyên đề tốt nghiệp	4
	Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)		**3**
	SOT352	Quản lý dự án phần mềm	3
	SOT366	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3

Thư ký Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Đinh Đồng Lưỡng	Tiến sĩ	

Tổ trưởng Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Phạm Thị Thu Thúy	Tiến sĩ	

Trưởng phòng Đào tạo ĐH

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Trần Doãn Hùng	Tiến sĩ	

Người duyệt Chương trình

Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
Trang Sĩ Trung	**Hiệu Trưởng**	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Ngày duyệt: / / .